

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-S

Ngày: 25/8/2023

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp TT, xã GT, huyện CT, tỉnh KG

Ông L có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:** Bà **Phan Thị Thúy P**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp TT, xã GT, huyện CT, tỉnh KG

Bà P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông và bà Phan Thị Thúy P chung sống với nhau từ năm 1989 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Nng chúng tôi không có đăng ký kết hôn theo quy định của Nhà nước. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 05 người con chung: Nguyễn Phương Y, sinh ngày 15/11/1990; Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 28/10/1993; Nguyễn Bé T, sinh ngày 25/6/1995; Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 27/02/1997 và Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 24/9/2005. Tuy nhiên từ năm 2020 cho đến nay ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn nên đã sống ky thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn L có yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với bà Phan Thị Thúy P

Về con chung: Các người con chung Nguyễn Phương Y, sinh ngày 15/11/1990; Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 28/10/1993; Nguyễn Bé T, sinh ngày 25/6/1995; Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 27/02/1997 và Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 24/9/2005 đến nay đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn bà Phan Thị Thúy P:* Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tổng tụng theo đúng quy định của pháp luật Nng bà P vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị Thị Thúy P; Về con chung: Các người con đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn Nguyễn Văn L yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Phan Thị Thúy P. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn*”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn bà Phan Thị Thúy P đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L thống nhất yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn bà Phan Thị Thúy P theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Phan Thị Thúy P.

[4] - Về nội dung: Ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị Thúy P chung sống với nhau từ năm 1989 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Nhà nước. Trong quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc với nhau thời gian dài, đã có 05 người con chung nhưng đến năm 2020 thì ông bà bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đến cuối năm 2021 ông bà đã sống ly thân với nhau cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị Thúy P sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau N vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Từ đó, cho thấy mối quan hệ giữa ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị Thúy P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định pháp luật.

[5] - *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn L xác định trong thời gian chung sống giữa ông bà 05 người con chung: Nguyễn Phương Y, sinh ngày 15/11/1990; Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 28/10/1993; Nguyễn Bé T, sinh ngày 25/6/1995; Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 27/02/1997 và Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 24/9/2005. Các người con chung Nguyễn Phương Y, sinh ngày 15/11/1990; Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 28/10/1993; Nguyễn Bé T, sinh ngày 25/6/1995; Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 27/02/1997 và Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 24/9/2005 đến nay đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

[6] - *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Phan Thị Thúy P đúng theo quy định pháp luật nhưng bà P vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất và xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa ông L và bà P được. Mặt khác, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L xác nhận vợ chồng ông bà không tạo lập được tài sản gì chung và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[8] - Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng ông L được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005455, ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị Thúy P.

2. *Về con chung:* Các người con đã trưởng thành và không có yêu cầu nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Văn L xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Văn L xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng ông L được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005455, ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp L1.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu